

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số [95/2017/NĐ-CP](#) ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số [09/2019/NĐ-CP](#) ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư này không điều chỉnh:
 - Chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật về thống kê;
 - Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - Chế độ báo cáo mật theo quy định pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đại học quốc gia, Ban quản lý khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu chung về thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

- Tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Điều 5 và Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số [09/2019/NĐ-CP](#)).
- Bảo đảm tính rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo, tính an toàn, an ninh và tính bảo mật theo quy định pháp luật; bảo đảm khả năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Chương II

NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Chế độ báo cáo định kỳ

Chế độ báo cáo định kỳ trong Thông tư này bao gồm:

- Báo cáo tình hình xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật và kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.
- Báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ.
- Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; kết quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ.
- Báo cáo tình hình hoạt động thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư; thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
- Báo cáo về phát triển nhân lực khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ.
- Báo cáo kết quả cấp Giấy chứng nhận trong hoạt động khoa học và công nghệ.
- Báo cáo tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, thị trường khoa học và công nghệ.
- Báo cáo tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.
- Báo cáo kết quả hoạt động của các Khu công nghệ cao.
- Báo cáo hoạt động sở hữu trí tuệ.

11. Báo cáo tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.
12. Báo cáo tình hình quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.
13. Báo cáo kết quả hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.
14. Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về đo lường.
15. Báo cáo tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp.
16. Báo cáo công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân và phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Điều 5. Cơ quan thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo

1. Cơ quan thực hiện báo cáo:
 - a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ, ngành) và các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
 - c) Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Đại học quốc gia) và các đơn vị trực thuộc;
 - d) Ban quản lý Khu công nghệ cao và các đơn vị trực thuộc.
2. Cơ quan nhận báo cáo:
 - a) Bộ Khoa học và Công nghệ nhận báo cáo của các cơ quan thực hiện báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhận báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Nội dung yêu cầu báo cáo

1. Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng chế độ báo cáo theo Biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).
3. Phương hướng, nhiệm vụ của kỳ tiếp theo.

Điều 7. Tần suất báo cáo, thời gian chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo

1. Tần suất thực hiện báo cáo:
 - a) Hằng năm;
 - b) Năm (05) năm đối với báo cáo kết quả hoạt động đổi mới công nghệ trên cả nước do Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo Chính phủ (Biểu số 03c/ĐMCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Thời gian chốt số liệu báo cáo:
 - a) Báo cáo định kỳ hằng năm: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;
 - b) Báo cáo định kỳ năm (05) năm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước năm bắt đầu tính kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm cuối kỳ báo cáo.
3. Thời hạn gửi báo cáo:
 - a) Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu công nghệ cao tổng hợp, gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất là ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo;
 - b) Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm báo cáo.

Điều 8. Phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện trên Hệ thống theo quy định tại [Điều 9 Thông tư này](#). Cơ quan gửi báo cáo thực hiện ký số báo cáo và các biểu mẫu kèm theo, gởi tin dữ liệu báo cáo trên Hệ thống theo quy định pháp luật.
2. Trường hợp Hệ thống có sự cố kỹ thuật dẫn tới không thể triển khai gửi, nhận báo cáo trong thời hạn quy định, việc gửi, nhận báo cáo thực hiện bằng hình thức văn bản điện tử thông qua Trực liên thông văn bản quốc gia (có gửi kèm theo báo cáo dưới dạng file word, excel) hoặc các phương thức khác theo quy định pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là Hệ thống) là hệ thống thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo, cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Khoa học và Công nghệ và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền; được vận hành, khai thác, duy trì hoạt động tại địa chỉ: <https://bcbkhen.most.gov.vn>.
2. Hệ thống có các chức năng đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP. Hệ thống này được kết nối với Hệ

thông thông tin báo cáo Chính phủ thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Điều 10. Tài khoản sử dụng, khai thác Hệ thống

1. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu Công nghệ cao sử dụng chứng thư số của tổ chức được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định tại Nghị định số [130/2018/NĐ-CP](#) ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành [Luật giao dịch điện tử](#) về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số để đăng ký tài khoản trên Nền tảng trao đổi định danh điện tử và được Bộ Khoa học và Công nghệ phân quyền tài khoản trên Hệ thống.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân liên quan đăng ký tài khoản trên Nền tảng trao đổi định danh điện tử để cơ quan quản lý phân quyền khai thác, sử dụng Hệ thống; bảo quản tài khoản, mật khẩu theo quy định.

Điều 11. Quy trình thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống

1. Định kỳ vào ngày 25 tháng 11 hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ tạo yêu cầu báo cáo trên Hệ thống gửi đến Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu Công nghệ cao.

2. Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu Công nghệ cao thực hiện theo quy trình như sau:

a) Khi nhận được yêu cầu báo cáo trên Hệ thống, Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu Công nghệ cao phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện báo cáo.

b) Đơn vị chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhập liệu, tổng hợp báo cáo; trình Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu công nghệ cao phê duyệt và gửi báo cáo được ký số theo quy định tại [Điều 8 Thông tư này](#) đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, duyệt báo cáo hoặc trả lại báo cáo đối với báo cáo không đảm bảo yêu cầu, cập nhật, tổng hợp gửi báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Công bố danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc tham mưu ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Tổ chức rà soát, đánh giá quy định về việc thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Triển khai vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ; tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

4. Theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu Công nghệ cao thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và Văn phòng Bộ thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Nhập liệu (đối với các số liệu do đơn vị được giao trực tiếp quản lý); tổng hợp báo cáo từ các cơ quan thực hiện báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Văn phòng Bộ) gửi báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

6. Văn phòng Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.

7. Vụ Pháp chế có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm theo quy định.

8. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

a) Chủ trì thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Xây dựng quy chế vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống; tài liệu hướng dẫn và tổ chức hướng dẫn khai thác, sử dụng Hệ thống;

c) Phân quyền khai thác, sử dụng Hệ thống cho các đối tượng thực hiện báo cáo và các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Kịp thời xử lý khi phát hiện hoặc được các cơ quan, đơn vị, cá nhân thông báo về việc Hệ thống có sai sót, sự cố kỹ thuật.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu công nghệ cao

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo. Các thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính chính xác, khách quan,

trung thực, phản ánh đúng thực tế.

2. Phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đại học quốc gia, Ban quản lý Khu công nghệ cao thực hiện báo cáo phù hợp với từng chế độ báo cáo. Phân công cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo.

3. Thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Công nghệ thông tin) ngay sau khi phát hiện Hệ thống có sai sót, sự cố kỹ thuật dẫn tới ảnh hưởng hoạt động hoặc an ninh, an toàn thông tin của Hệ thống.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2022.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số [03/2019/TT-BKHCHN](#) ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Khoản 4 Điều 28 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCHN ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu;

c) Khoản 3 Điều 29 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCHN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHCHN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Điểm h khoản 2 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số [13/2012/NĐ-CP](#) ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Đại học quốc gia, Trưởng ban quản lý khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Thế Duy

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN